| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐỒNG THÁP | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 215 /2017/DS-PT
Ngày: 07-9-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Đào- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Thân- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 26 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn D, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1929.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, thị xã H1, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lê Văn S, sinh năm 1981

2. Anh Lê Văn N, sinh năm 1990

3. Anh Lê Văn T2, sinh năm 1985

4. Bà Võ Thị T3, sinh năm 1961;

Người đại diện hợp pháp của anh S, anh N, anh T2 và bà T3 là ông Lê Văn D, sinh năm 1961 (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2017)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T1, thị xã H1, tỉnh Đồng Tháp;

5. Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T4, tỉnh Đồng Tháp;

6. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp B1, xã T5, huyện T4, tỉnh Đồng Tháp;

7. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp B2, xã B3, thị xã H1, tỉnh Đồng Tháp;

8. Bà Lê Thị Bé N1 sinh năm 1964;

9. Bà Lê Thị Bé S1, sinh năm 1966;

10. Ông Lê Văn T6, sinh năm 1972;

11. Bà Lê Thị C1, sinh năm 1974;

12. Bà Lê Thị M, sinh năm 1931;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T1, thị xã H1, tỉnh Đồng Tháp;

13. Ủy ban nhân dân huyện H;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T7, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn K - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Hồng Ngự.

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Văn D là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**-** *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:*

Vào năm 1979-1980, Nhà nước thực hiện chính sách nhường cơm sẽ áo, lúc này do đất của cha ông (ông Lê Văn Đ) có diện tích thừa so với định mức nhân khẩu nên Nhà nước mới lấy đất của cha ông cấp lại cho ông, diện tích là 05 công (Gia đình ông lúc này có 04 nhân khẩu), việc cấp đất không có giấy tờ và người cấp đất cho ông do lâu quá ông không nhớ. Phần đất này từ lúc cấp đến nay ông không canh tác vì ông phải đi làm ăn xa và vì diện tích đất ít nên canh tác không đủ để sinh sống, vì vậy mà ông cho cha ông mượn canh tác, còn ông đi mướn ruộng nơi khác làm, ông có nói với cha ông là khi nào ông có điều kiện sẽ lấy đất này lại làm, việc cho mượn đất không có giấy tờ chỉ có cha con ông và anh em

ông trong gia đình biết, phần đất tranh chấp do cha ông canh tác và nộp thuế từ trước đến nay.

Năm 1992, Nhà nước có chủ trương cho đăng ký quyền sử dụng đất nên cha ông đi đăng ký thay cho ông và ông được Ủy ban nhân dân huyện H cấp quyền sử dụng đất diện tích 4.724m$^2$ đất trồng lúa thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp T8, xã T9, huyện H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/10/1992. Năm 2006, ông đi đổi lại giấy và được cấp lại lần 2 vào ngày 09/5/2006, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hiện ông đang quản lý không có thế chấp.

Vào tháng 03 năm 2016, ông có đến gặp cha ông là ông Lê Văn Đ để yêu cầu ông Đ trả lại đất nhưng ông Đ không đồng ý, sau đó ông có gửi đơn đến UBND xã T9, huyện H yêu cầu giải quyết nhưng không được.

Nay ông D yêu cầu ông ông Lê Văn Đ trả lại cho ông D diện tích qua đo đạc thực tế là 4.624m$^2$ (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.724m$^2$) đất trồng lúa, thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp T8, xã T9, huyện H.

- *Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày:*

Ông có diện tích đất trồng lúa là 19.065m$^2$, đất tọa lạc tại ấp T8, xã T9, huyện H. Đất này có nguồn gốc là do ông khai mở vào năm 1957 và canh tác từ đó đến nay. Vào năm 1992, ông D (là con thứ 2 của ông Đ) hỏi mượn quyền sử dụng đất của ông để vay ngân hàng lấy tiền làm ăn, ông không đồng ý, nhưng vì thương con ông đã tách quyền sử dụng diện tích 4.724m$^2$ cho ông D đứng tên để đi vay vốn ngân hàng, còn đất thì ông vẫn canh tác, ông D thậm chí không biết đất này nằm ở đâu, chính ông là người đi làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho ông D, lời trình bày của ông D là không đúng, vì đất của ông không có bị trang trãi và ông cũng không có mượn đất của ông D.

Khi ông D làm ăn bị thua lỗ, ông có yêu cầu ông D làm thủ tục trả lại quyền sử dụng phần đất trên cho ông nhưng ông D không đồng ý. Đến năm 2000, ông D kiện ông đến UBND xã T8, huyện H yêu cầu ông trả lại phần đất trên, xã hòa giải yêu cầu ông D trả lại quyền sử dụng cho ông nhưng ông D không đồng ý, đến năm 2016 thì ông D tiếp tục khởi kiện ông.

Nay ông Lê Văn Đ không đồng ý với yêu cầu của ông Du vì đất này là đất do ông Đ khai mở mà có và ông đã canh tác từ năm 1957 đến nay. Ông Đ đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D để cấp lại cho ông đối với phần đất diện tích 4.724m$^2$ (diện tích theo đo đạc thực tế là 4.624m$^2$).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T6 trình bày:*

Ông T6 là con trai út của ông Đ và là em ruột của ông D xác định: phần diện tích đất ông D đang tranh chấp với ông Đ có nguồn gốc là của ông Đ khai mở và canh tác từ năm 1957 đến nay. Ông D không có trực tiếp canh tác phần đất này.

Nguyên nhân ông D được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp là do vào năm 1992, khi ông D đóng ghe đi buôn lúa, cần vốn để kinh doanh nên hỏi ông Đ mượn quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng, do đó ông Đ tách cho ông D mượn quyền sử dụng diện tích 4.724m$^2$ để thế chấp vay vốn ngân hàng, còn đất thì ông Đ vẫn trực tiếp canh tác, việc ông D cho rằng đất này của ông D cho ông Đ mượn canh tác là không đúng. Phần đất này là của ông Đ nên ông D phải làm thủ tục sang tên phần đất này cho ông Đ để ông Đ đứng tên.

**-** *Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ trả diện tích 4.624m$^2$ đất trồng lúa, thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp T8, xã T9, huyện H;

Công nhận cho ông Lê Văn Đ được tiếp tục sử dụng diện tích 4.624m$^2$ đất trồng lúa, thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp T8, xã T9, huyện H;

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn D; Ủy ban nhân dân huyện H có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn D số AE 034886 cấp ngày 09/5/2006, thửa đất 317, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.724 m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 4.624 m$^2$).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm, thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

**-** Ngày 08/6/2017, ông Lê Văn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Lê Văn Đ trả lại cho ông diện tích 4.624m$^2$, thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã T9, huyện H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn D tranh chấp với ông Lê Văn Đ là tranh chấp quyền sử dụng theo quy định tại khoản 9 điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điều 203 Luật đất đai.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ và những đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên phiên tòa tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Lê Văn D yêu cầu ông Lê Văn Đ giao trả diện tích theo đo đạc thực tế có diện tích là 4.624m$^2$ thuộc thửa 317 tờ bản đồ số 2, do ông Lê Văn D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Ông Lê Văn D và ông Lê Văn Đ đều xác định nguồn gốc đất có được là do ông Lê Văn Đ khai mở từ năm 1957 và ông Đặt canh tác liên lục từ đó cho đến nay, không có cho ai thuê. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Lê Văn D giữ và không có thế chấp, cầm cố.

- Ông D còn thừa nhận phần đất có diện tích 4.724m$^2$ loại đất lúa (theo đo đạc thực tế có diện tích 4.624m$^2$) thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2 cấp lần đầu vào ngày 13/10/1992 do ông D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông Lê Văn Đ (cha của ông) đi kê khai đăng ký để cho ông D được đứng tên phần diện tích đất này (BL 252).

- Việc ông D trình bày vào thời điểm năm 1979-1980 Nhà nước thực hiện chính sách nhường cơm sẽ áo lấy phần đất của ông Đ (cha ông) để cấp lại cho ông vì đất của cha ông là dư nhưng ông D không trình bày được tại thời điểm đó gia đình ông có bao nhiêu người? (bao nhiêu nhân khẩu?) và những người nào biết được việc Nhà nước thực hiện chính sách nhường cơm sẽ áo? Tại phiên tòa hôm nay ông D là nguyên đơn nhưng ông cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình và cũng không có tài liệu chứng cứ nào để thể hiện việc ông D cho ông Đ mượn đất để canh tác. Còn ông Đ thì không thừa nhận có việc Nhà nước cắt một phần đất của ông để cấp cho ông D và ông Đ cũng không thừa nhận có việc ông D cho ông Đ mượn lại đất để canh tác.

Từ những phân tích trên cho thấy, việc ông D trình bày là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là phù hợp pháp luật; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Còn việc ông Lê Văn Đ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn D mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và tuyên không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Đ là chưa chính xác mà đây chỉ là ý kiến phản bác

của ông Đ nhằm trình bày trong vụ án để ông Đ yêu cầu công nhận cho ông tiếp tục sử dụng phần diện tích đất tranh chấp như đã nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại cách tuyên của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm thì trong quá trình xét xử phúc thẩm; ông D có đơn xin miễn, giảm án phí và được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh thật sự khó khăn, không có khả năng để thi hành nghĩa vụ về án phí. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông D và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp.

Còn về chi phí xem xét thẩm định thì ông D phải nộp theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Xét quan điểm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp;

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông D không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông D phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Khoản 1 Điều 148, khoản 1 điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn D;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ trả phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 4.624m$^2$ loại đất trồng lúa, thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp T8, xã T9, huyện H;

- Công nhận cho ông Lê Văn Đ được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích 4.624m$^2$ loại đất trồng lúa, thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp T8, xã T9, huyện H;

(*Kèm theo bản đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 25/7/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H* )

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn D số AE 034886 cấp lại ngày 09/5/2006, thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.724 m$^2$ (theo đo đạc thực tế là 4.624 m$^2$) để cấp lại cho ông Lê Văn Đ.

- Ông Lê Văn Đ có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất theo bản án đã tuyên.

3.Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn D phải chịu 6.358.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông D được miễn giảm 50%, số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại ông D phải nộp là 3.179.000đ; Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.248.000đ theo biên lai số 021719 ngày 09/5/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Như vậy, ông D còn được nhận lại 69.000đ tiền tạm ứng án phí.

- Về án phí phúc thẩm: Ông D phải nộp 300.000đ tiền án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05554 ngày 09/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông D phải nộp 3.665.000đ (số tiền này đã nộp xong).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H H;
- Chi cục THADS H H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Võ Trinh**